CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***849 732***	***275 339***	***574 393***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**70 444**	**24 382**	**46 062**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***40 800***	***24 382***	***16 418***			
1		V TRACO	05/5	685/5	15/5	HẢI ÂU 999	CỤC XỐ 1C	1 850	1 846	4	09/5	TD	
2		KDT THANH HÓA	08/5	707/5	18/5	BÌNH MINH 39	CÁM 5A.1	4 500	4 493	7	09/5	PTCB	
3		KDT HÀ NỘI	02/5	671/5	12/5	BN 1386	CÁM 4A.1	1 000	998	2	09/5	TD	THAY 645/4
4		THAN MIỀN NAM	08/5	709-B/5	18/5	TRƯỜNG XUÂN 16	CÁM 5A.1	3 150	3 128	22	09/5	BAUXIT	THAY 709/5
5		COALIMEX	08/5	710/5	18/5	NB 8399	CÁM 5A.1	1 900	1 890	10	09/5	PTCB	
6		COALIMEX	09/5	713/5	19/5	QN 7937	CÁM 5A.1	1 800	1 799	1	09/5	PTCB	
7		VTT	07/5	703/5	17/5	BN 0986	CỤC XỐ 1C	1 000	995	5	09/5	TD	
8		ĐIỆN VŨNG ÁNG	07/5	705/5		VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.14	22 750	7 022	15 728	RÓT DỠ		
9		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	09/5	715/5	19/5	ĐỨC MINH 888	CÁM 5A.1	2 850	2 211	639	RÓT DỠ	PTCB	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***29 644***		***29 644***			
1		KDT HÀ BẮC	03/5	625/4	13/5	BN 2089	CÁM 5A.1	1 940		1 940		PTCB	GIA HẠN L1
2		ĐIỆN NGHI SƠN	03/5	678/5		VINACOMIN 06	CÁM 5A.10	2 950		2 950			
3		ĐT TM&DV	03/5	681/5	13/5	BN 1816	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	THAY 580/4
4		COALIMEX	03/5	682/5	13/5	QN 8225	CÁM 5A.1	1 620		1 620		PTCB	
5		SÔNG HỒNG	03/5	683/5	13/5	BN 2269	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000			
6		ĐIỆN NGHI SƠN	05/5	686/5		HẢI NAM 19	CÁM 5A.10	4 850		4 850			
7		KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)	06/5	695/5	16/5	VTT 36	CÁM 5A.1	3 500		3 500		PTCB	THAY TBGT 684/4
8		ĐIỆN NGHI SƠN	07/5	696/5		VINACOMIN 07	CÁM 5A.10	2 950		2 950			
9		VTT	07/5	699/5	17/5	BN 1856	CÁM 4A.1	1 100		1 100		TD	
10		VĨNH THẮNG	08/5	708/5	18/5	BN 1459	CỤC 5A.1	1 000		1 000			
11		ĐẠM NINH BÌNH	08/5	711/5	18/5	NB 8519	CÁM 4A.1	3 000		3 000			
12		CATALAN	08/5	712/5	18/5	BN 1991	CỤC 5A.1	1 550		1 550			
13		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	09/5	714/5	19/5	DUY TÂN 16 (HD 5866)	CÁM 5A.10	3 184		3 184			
	Tàu chuyển tải							**201 690**	**66 133**	**135 557**			
	Tàu đang làm hàng							***92 500***	***66 133***	***26 367***			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	06/5	665-B/5		QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800	22 773	27	09/5		CLM: 9.561,69 - KVĐB: 13.211,21
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	06/5	691-B/5		GOLDEN STAR	CÁM 6A.14	23 400	13 260	10 140	RÓT DỠ		KVĐB: 7.000 - CLM: 16.400
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	06/5	690-B/5		TRƯỜNG NGUYÊN SKY	CÁM 6A.14	23 300	22 600	700	RÓT DỠ		KVCP: 13.300 - KDTCP: 10.000
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	06/5	687-B/5		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 000	7 500	15 500	RÓT DỠ		KVCP: 5.000 - TTHG: 18.000

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***109 190***		***109 190***			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	02/5	662/5		VIỆT THUẬN 215-02	CÁM 5B.14	20 500		20 500			TTHG: 10.500 - KDTCP: 10.000
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	06/5	676-B/5		HPS - 02	CÁM 6A.14	24 240		24 240			KVĐB: 3.000 - KDTCP: 13.420 - CLM: 8.000
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	07/5	702/5		VIỆT THUẬN 169	CÁM 5A.10	19 400		19 400			CLM: 9.400 - KVĐB: 10.000
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	07/5	704/5		VIỆT THUẬN 189	CÁM 5A.14	20 100		20 100			CLM: 7.000 - KDTCP: 13.100
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	07/5	706/5		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	24 950		24 950			TTHG: 20.000 - KVCP: 4.950
II	**KHO CẢNG HC-MD**							**52 902**	**13 431**	**39 471**			
	Tàu đã làm hàng							***22 286***	***13 431***	***8 855***			
1		KDT NINH BÌNH	05/5	194/5	15/5	NB 8917	Cám 7B	3 060	2 747	313	09/5	PT	
2		KDT HẢI PHÒNG	06/5	242/5	16/5	HP 5925	Cám 6b.1	1 550	590	960	09/5	PT	
3		KDT NINH BÌNH	07/5	322/5	17/5	NB 8308	Cám 7A	3 150	1 611	1 539	09/5	PT	
4		KDT MIỀN BẮC	08/5	365/5	18/5	NB 8218	Cám 7A	3 100	1 925	1 176	09/5	PT	
5		KDT HÀ NỘI	07/5	332/5	17/5	BN 0695	Cục 1A	500	486	14	09/5	TD	
6		KDT HÀ NỘI	07/5	332/5	17/5	BN 0695	Cục 1B	500	498	2	09/5	TD	
7		XNK THAN	07/5	294/5	17/5	HN 1931	Cám 8B	1 623	256	1 367	09/5	PT	
8		KDT HẢI PHÒNG	06/5	224/5	16/5	BN 1968	Cám 6a.1	1 396	1 381	15	09/5	PT	
9		KDT MIỀN BẮC	08/5	366/5	18/5	NB 6489	Cám 6a.1	1 046	1 032	14	10/5	Pt	
10		T MIỀN TRUNG	06/5	1366/4	16/5	NAM THỊNH 26	Cám 8A	1 930	510	1 420	RÓT DỠ	TD	Gia hạn L1
11		KDT NINH BÌNH	08/5	381/5	18/5	NB 8848	Cám 7A	3 130	1 501	1 629	RÓT DỠ	PT	
12		CP HÀNG HẢI VN	08/5	357/5	18/5	BN 1883	Cám 8A	1 301	894	407	RÓT DỠ	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***30 616***		***30 616***			
1		THAN SÔNG HỒNG	02/5	41/5	12/5	BN 1879	Cám 8A	1 000		1 000		TD	
2		ĐT THƯƠNG MẠI	02/5	42/5	12/5	BN 2228	Cám 8A	1 000		1 000		TD	
3		CHUYỂN TẢI	05/5	2772.		SƠN HẢI 10	Cám 6a.14	3 650		3 650		C Tải	
4		CHUYỂN TẢI	05/5	2 772		SƠN HẢI 09	Cám 6a.14	3 420		3 420		C Tải	
5		DVVT Q.NINH	05/5	195/5	15/5	BN 1856	Cục 1B	1 100		1 100		TD	
6		XNK THAN	05/5	209/5	15/5	BN 2227	Cám 8A	1 932		1 932		PT	
7		C TẢI	06/05	2782		SƠN HẢI 08	Cám 6a.14	3 669		3 669		C Tải	
8		KDT CẦU ĐUỐNG	07/5	298/5	17/5	BN 1368	Cám 8A	1 000		1 000		TD	
9		KDT HÀ BẮC	07/5	307/5	17/5	BN 2558	Cám 7B	1 940		1 940		PT	
10		KDT CẦU ĐUỐNG	08/5	349/5	18/5	BN 2006	Cục 1B	1 000		1 000		TD	
11		KDT CẦU ĐUỐNG	08/5	378/5	18/5	HD 2211	Cục 1B	1 030		1 030		TD	
12		KDT CẦU ĐUỐNG	08/5	380/5	18/5	NB 8278	Cám 7B	3 100		3 100		PT	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
13		KDT CẦU ĐUỐNG	08/5	388/5	18/5	BN 2056	Cám 8A	1 000		1 000		TD	
14		CP HÀNG HẢI	08/5	398/5	18/5	BN 2339	Cám 8A	1 900		1 900		TD	
15		KDT HẢI PHÒNG	09/5	400/5	18/5	BN 2286	Cám 7B	2 310		2 310		TD	
16		XNK THAN	09/5	450/5	19/5	BN 2283	Cám 8A	1 565		1 565		PT	
III	**KHO KHE DÂY**							**14 562**	**6 912**	**7 650**			
	Tàu đã làm hàng							***6 992***	***6 912***	***80***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	07/5	304	17/5	QN - 4330	CÁM 5B.14	1 716	1 698	18	09/5		
2		CP ĐTTM&DV	07/5	334	17/5	BN - 2122	CÁM 8B	2 200	2 186	14	09/5	TD	THAY TB 1569/3 - CỌC SÁU
3		ĐIỆN PHẢ LẠI	08/5	363	18/5	QN - 4113	CÁM 5B.14	1 716	1 704	12	09/5		THAY TB 127/5
4		CP ĐTTM&DV	08/5	339	18/5	BN - 2335	CỤC 1B	1 360	1 323	37	09/5	TD	THAY TB 1126/4 - ĐÈO NAI
	Tàu đã làm lệnh							***7 570***		***7 570***			
1		CẦU ĐUỐNG	02/5	1 732	12/5	BN - 0695	CỤC 8C	1 000		1 000		TD	Gia hạn L1
2		CP ĐTTM&DV	04/5	126	14/5	HD - 2558	CỤC 1B	1 900		1 900		TD	CỌC SÁU- THAY TB 1817/4
3		THANH HOÁ	05/5	177	15/5	BN - 0567	CÁM 8A	1 050		1 050		TD	Đèo Nai
4		ĐIỆN PHẢ LẠI	08/5	387	18/5	QN - 4080	CÁM 5B.14	1 620		1 620			
5		CẦU ĐUỐNG	09/5	411	19/5	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐÈO NAI
6		CP VT THUỶ	09/5	443	19/5	BN - 1799	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	ĐÈO NAI
IV	**KHO BẢO NGUYÊN**							**2 766**	-	**2 766**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh							***2 766***		***2 766***			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	04/5	127/5	14/5	QN 4113	CÁM 5B.14	1 716		1 716			
2		CP ĐTTM&DV	06/5	258/5	16/5	BN 0869	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
V	**KHO CẢNG KM6**							**46 777**	**16 755**	**30 022**			
	Tàu đã làm hàng							***17 990***	***16 755***	***1 235***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	07/5	2799		HD 3965	Cám 6a.1	5 400	5 385	15	09/5		
2		KDT MIỀN BẮC	07/5	310	17/5	BN 1898	Cám 6b.1	1 980	1 974	6	09/5	CBPT	
3		THAN SÔNG HỒNG	7/5	295	17/5	BN 1816	Don 8c	1 000	999	1	09/5	TD	
4		KDT THANH HÓA	03/5	67	13/5	MINH HẰNG 238	Cám 5a.1	3 300	3 267	33	09/5	CBPT	
5		KDT MIỀN BẮC	07/5	312	17/5	BN 1988	Cám 6b.1	1 410	1 405	5	09/5	CBPT	
6		KDT HÀ NAM NINH	07/5	314	17/5	NĐ 2808	Cám 6a.1	1 000	996	4	09/5	CBPT	
7		CROMIT THANH HÓA	08/5	341	18/5	TH 0686	Cám 6a.1	960	957	3	09/5	CBPT	
8		CROMIT THANH HÓA	07/5	292	17/5	BN 1746	Cám 8a	1 000	563	437	DỠ	TD	T/T: TBGT 1810/4 Ngày 30/4
9		KDT HÀ BẮC	07/5	321	17/5	BN 2089	Cám 6b.1	1 940	1 209	731	DỠ	CBPT	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh							***28 787***		***28 787***			
1		KDT MIỀN BẮC	02/5	42	12/5	NB 8900	Cám 5b.1	2 800		2 800		CBPT	T/T TBGT 375/4 ngày 07/4
2		CROMIT THANH HÓA	03/5	68	13/5	HOÀNG ANH 45	Cám 5b.1	3 400		3 400		CBPT	
3		CROMIT THANH HÓA	03/5	76	13/5	HOÀNG ANH 88	Cám 5a.1	3 800		3 800		CBPT	
4		KDT THANH HÓA	06/5	217	16/5	KHÁNH MINH 09	Cám 5a.1	1 900		1 900		CBPT	
5		KDT MIỀN BẮC	06/5	226	16/5	NB 6990	Cám 5b.1	2 800		2 800		CBPT	
6		THAN SÔNG HỒNG	06/5	256	16/5	BN 0739	Don 8a	1 200		1 200		TD	
7		KDT THANH HÓA	07/5	269	17/5	NGUYỄN DƯƠNG 86	Cám 5a.1	1 800		1 800		CBPT	
8		VTT VINACOMIN	07/5	308	17/5	BN 2139	Cám 8a	1 275		1 275		TD	
9		KDT MIỀN BẮC	08/5	342	18/5	HD 2878	Cám 6b.1	1 945		1 945		CBPT	
10		KDT HÀ NAM NINH	08/5	346	18/5	BN 1829	Cám 5b.1	1 620		1 620		CBPT	
11		CROMIT THANH HÓA	08/5	1439	18/5	BN 2395	Cám 8a	1 755		1 755		TD	GIA HẠN LẦN 1
12		KDT HẢI PHÒNG	09/5	409	19/5	HP 4846	Cám 7c	1 032		1 032		CBPT	
13		KDT MIỀN BẮC	09/5	410	19/5	BN 1997	Cám 6b.1	1 000		1 000		CBPT	
14		KDT MIỀN BẮC	09/5	425	19/5	BN 1666	Cám 7c	1 190		1 190		CBPT	
15		KDT MIỀN BẮC	09/5	426	19/5	BN 1959	Cám 7c	1 270		1 270		CBPT	
VI	**CẢNG LÀNG KHÁNH**							**95 902**	**42 266**	**53 636**			
	Tàu đã làm hàng							***57 967***	***42 266***	***15 701***			
1		KDT HÀ NAM NINH	8/5	352/5/HG	18/5	BN 2087	CÁM 5A.1	1 540	1 530	10	9/5	PTCB	
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI (VIỆT THUẬN 215-02)	5/5	2 756		VIỆT THUẬN TĐ 14	CÁM 5B.14	3 676	3 587	89	9/5		
3		KDT HÀ NAM NINH	8/5	345/5/HG	18/5	HY 0600	CÁM 5B.1	1 551	1 539	13	9/5	PTCB	
4		KDT HẢI PHÒNG	8/5	344/5/HG	18/5	HD 2039	CÁM 5A.1	1 620	1 584	36	9/5	PTCB	
5		KDT HÀ NAM NINH	8/5	343/5/HG	18/5	BN 2068	CÁM 5A.1	1 589	1 568	21	9/5	PTCB	
6		KDT HẢI PHÒNG	8/5	353/5/HG	18/5	HD 1256	CÁM 6A.1	1 345	1 343	2	9/5	PTCB	
7		KDT HÀ NAM NINH	8/5	389/5/HG	18/5	BN 2556	CÁM 5B.1	1 690	1 682	8	9/5	PTCB	
8		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	7/5	2 802		AN HƯNG 66	CÁM 6A.1	2 712	2 673	39	9/5		
9		CBT QUẢNG NINH	4/5	155/5/HG	14/5	QN 8698	CÁM 5B.1	3 372	3 208	164	9/5	PTCB	
10		KDT MIỀN BẮC	8/5	369/5/HG	18/5	NB 6635	CÁM 5B.1	4 004	3 953	51	9/5	PTCB	
11		KDT CẦU ĐUỐNG	7/5	326/5/HG	17/5	HD 2656	CÁM 6B.1	1 900	1 883	17	9/5	PTCB	
12		KDT NGHỆ TĨNH	2/5	39/5/HG	12/5	HUY KIÊN 6	CỤC DON 7C	1 000	975	25	9/5	TD	
13		KDT NINH BÌNH	9/5	422/5/HG	19/5	HD 2225	CÁM 8A	1 000	998	2	9/5	TD	
14		ĐIỆN VĨNH TÂN 1 (HẢI NAM 88)	7/5	2 802		SƠN HẢI 09	CÁM 6A.1	3 420	2 909	511	DỠ		
15		CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI	8/5	392/5/HG	18/5	VTRACO 28	CÁM 6A.10	3 900	2 721	1 179	DỠ		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
16		KDT HẢI PHÒNG	9/5	1615/4/HG	19/5	TĐ 37CG	CÁM 6A.1	4 200	350	3 850	DỠ	PTCB	GIA HẠN LẦN 1
17		KDT HÀ NAM NINH	9/5	413/5/HG	19/5	BN 2398	CÁM 5B.1	1 945	1 005	940	DỠ	PTCB	
18		KDT HẢI PHÒNG	9/5	431/5/HG	19/5	HP 4850	CÁM 5B.1	1 105	602	503	DỠ	PTCB	
19		CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI	8/5	393/5/HG	18/5	ITASCO 18	CÁM 6A.10	3 000	574	2 426	DỠ		
20		CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI	7/5	336/5/HG	17/5	QN 9368	CÁM 6A.10	1 868	1 419	449	DỠ		
21		ĐIỆN VĨNH TÂN 1(VIỆT THUẬN 235-02)	8/5	2 844		VIỆT THUẬN TĐ 12	CÁM 6A.1	4 200	2 015	2 185	DỠ		
22		CP XNK THAN VINACOMIN	3/5	116/5/HG	13/5	QN 8318	CÁM 6B.1	4 090	2 156	1 934	DỠ	PTCB	
23		KDT HẢI PHÒNG	6/5	267/5/HG	16/5	NĐ 3497	CÁM 5B.1	3 240	1 993	1 247	DỠ	PTCB	
	Tàu đã làm lệnh							***37 935***		***37 935***			
1		CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓA	1/5	1703/4/HG	11/5	BN 1866	CÁM 8A	1 487		1 487		TD	GIA HẠN LẦN 1 (CHƯA ĐỦ ĐK)
2		CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓA	1/5	1704/4/HG	11/5	BN 1996	CÁM 7B	2 000		2 000		TD	GIA HẠN LẦN 1 (CHƯA ĐỦ ĐK)
3		CBT QUẢNG NINH	6/5	240/5/HG	16/5	QN 7995	CÁM 5B.1	2 728		2 728		PTCB	
4		KDT CẦU ĐUỐNG	7/5	327/5/HG	17/5	BN 2025	CÁM 6A.1	1 330		1 330		PTCB	
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 1(VIỆT THUẬN 235-02)	8/5	2 844		VTRACO 27	CÁM 6A.1	3 900		3 900			
6		ĐIỆN VĨNH TÂN 1(VIỆT THUẬN 235-02)	8/5	2 844		HẠ LONG 79	CÁM 6A.1	4 450		4 450			
7		KDT CẦU ĐUỐNG	8/5	382/5/HG	18/5	BN 2668	CÁM 7B	1 230		1 230		PTCB	
8		CP VT THỦY VINACOMIN	9/5	414/5/HG	19/5	BN 1936	CỤC DON 7C	1 000		1 000		TD	
9		KDT THANH HÓA	9/5	415/5/HG	19/5	BN 2022	CÁM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
10		KDT NINH BÌNH	9/5	423/5/HG	19/5	BN 2228	CỤC DON 7C	1 000		1 000		TD	
11		ĐIỆN DUYÊN HẢI (VIỆT THUẬN 215-02)	9/5	2 864		QN 7058	CÁM 5B.14	3 180		3 180			
12		ĐIỆN VĨNH TÂN 1(VIỆT THUẬN 235-02)	9/5	2 863		QN 1176	CÁM 6A.1	3 880		3 880			
13		KDT MIỀN BẮC	9/5	438/5/HG	19/5	NB 6490	CÁM 6B.1	1 870		1 870		PTCB	
14		KDT MIỀN BẮC	9/5	437/5/HG	19/5	NB 6695	CÁM 5A.1	4 004		4 004		PTCB	
15		CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI	9/5	434/5/HG	19/5	QN 7339	CÁM 6A.10	4 876		4 876			
VII	**CẢNG ĐIỀN CÔNG**							**65 442**	**22 968**	**42 474**			
	Tàu đã làm hàng							***23 188***	***22 968***	***220***			
1		KDT MIỀN BẮC	8/5	347/5/UB	18/5	NB 8901	CÁM 5B.3	2 380	2 366	14	9/5	PTCB	
2		KDT HẢI PHÒNG	8/5	351/5/UB	18/5	QN 6139	CÁM 5A.3	740	726	14	9/5	PTCB	
3		CBT QUẢNG NINH	8/5	377/5/UB	9/5	Ô TÔ	CÁM 6A.3	1 000	980	20	9/5	PTCB	
4		CBT QUẢNG NINH	8/5	376/5/UB	9/5	Ô TÔ	CÁM 5B.3	1 000	986	14	9/5	PTCB	
5		KDT HÀ NAM NINH	8/5	355/5/UB	18/5	QN 8233	CÁM 5A.3	1 610	1 597	13	9/5	PTCB	
6		KDT HẢI PHÒNG	8/5	350/5/UB	18/5	QN 6138	CÁM 5B.3	740	730	10	9/5	PTCB	
7		CP XNK THAN VINACOMIN	8/5	364/5/UB	18/5	QN 8488	CÁM 5B.3	1 930	1 917	13	9/5	PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
8		KDT HÀ NAM NINH	7/5	271/5/UB	17/5	QN 8322	CÁM 5A.3	1 650	1 637	13	9/5	PTCB	
9		KDT HÀ NAM NINH	8/5	354/5/UB	18/5	NĐ 3577	CÁM 5A.3	2 127	2 120	7	9/5	PTCB	
10		KDT HÀ NAM NINH	8/5	361/5/UB	18/5	NĐ 2853	CÁM 5B.3	1 293	1 281	12	9/5	PTCB	
11		CP VT THỦY VINACOMIN	6/5	223/5/UB	16/5	BN 1626	CỤC 5B.2	910	901	9	9/5	TD	
12		CP XNK THAN VINACOMIN	8/5	379/5/UB	18/5	NĐ 2539	CÁM 5A.3	1 728	1 725	3	9/5	PTCB	
13		KDT MIỀN BẮC	8/5	384/5/UB	18/5	HD 5555	CÁM 5B.3	2 470	2 438	32	9/5	PTCB	
14		KDT HÀ NAM NINH	8/5	360/5/UB	18/5	NĐ 4195	CÁM 5B.3	2 240	2 203	37	9/5	PTCB	
15		KDT HÀ NAM NINH	8/5	356/5/UB	18/5	QN 8082	CÁM 5A.3	1 370	1 361	9	9/5	PTCB	
	Tàu đã làm lệnh							***42 254***		***42 254***			
1		CP VT THỦY VINACOMIN	2/5	37/5/UB	12/5	BN 0869	CỤC 5B.2	1 000		1 000			
2		CP ĐT TM & DV VINACOMIN	5/5	187/5/UB	15/5	NB 8011	CỤC 4B.3	1 112		1 112		TD	
3		CP XNK THAN VINACOMIN	6/5	1706/4/UB	16/5	QN 6190	CỤC XỔ 1A	1 000		1 000		TD	GIA HẠN LẦN 1
4		CP ĐẦU TƯ TM & DV VINACOMIN	6/5	1655/4/UB	16/5	AN THÀNH 18	CỤC 4B.3	2 400		2 400		TD	GIA HẠN LẦN 1
5		CP ĐT TM & DV VINACOMIN	7/5	329/5/UB	17/5	BN 2005	CỤC 2B.2	1 500		1 500		TD	
6		CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓA	8/5	340/5/UB	18/5	CHÍ THÀNH 68	CÁM 5A.3	2 612		2 612		PTCB	
7		DK HÀ TĨNH (VIỆT THUẬN 169)	8/5	2 849		CỬA ÔNG 02	CÁM 5A.10	2 300		2 300			
8		CP ĐT TM & DV VINACOMIN	8/5	394/5/UB	18/5	BN 2225	CỤC XỔ 1A	1 030		1 030		TD	
9		KDT CẨM PHẢ	8/5	395/5/UB	18/5	NB 8300	CÁM 5B.3	5 154		5 154		PTCB	
10		KDT THANH HÓA	9/5	407/5/UB	18/5	HY 0568	CÁM 5A.3	2 500		2 500		PTCB	
11		KDT MIỀN BẮC	9/5	406/5/UB	18/5	TB 1619	CÁM 5A.3	2 600		2 600		PTCB	
12		KDT MIỀN BẮC	9/5	405/5/UB	18/5	HD 2265	CÁM 5B.3	3 782		3 782		PTCB	
13		CP XNK THAN VINACOMIN	9/5	424/5/UB	19/5	QN 8848	CỤC DON 8A	1 976		1 976		TD	
14		KDT NINH BÌNH	9/5	412/5/UB	19/5	NB 8539	CÁM 5A.3	2 935		2 935		PTCB	
15		KDT HÀ BẮC	9/5	1508/4/UB	19/5	QN 6589	CÁM 5B.3	1 780		1 780		PTCB	GIA HẠN LẦN 1
16		DK HÀ TĨNH (VIỆT THUẬN 169)	9/5	2 860		CỬA ÔNG 18	CÁM 5A.10	2 100		2 100			
17		DK HÀ TĨNH (VIỆT THUẬN 169)	9/5	2 875		BN 2638	CÁM 5A.10	1 923		1 923			
18		KDT HẢI PHÒNG	9/5	436/5/UB	19/5	QN 0289	CÁM 5B.3	550		550		PTCB	
19		CBT QUẢNG NINH	9/5	430/5/UB	19/5	Ô TÔ	CÁM 6A.3	1 000		1 000		PTCB	
20		CBT QUẢNG NINH	9/5	429/5/UB	19/5	Ô TÔ	CÁM 5B.3	3 000		3 000		PTCB	
VIII	**CẢNG BẾN CÂN**							**30 831**	**11 018**	**19 813**			
	Tàu đã làm hàng							***11 150***	***11 018***	***132***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN (GOLDEN STAR)	6/5	2 783		CỬA ÔNG 18	CÁM 6A.14	2 100	2 073	27	8/5		
2		ĐIỆN HẢI DƯƠNG	8/5	386/5/MK	18/5	TĐ 86-4	CÁM 6B.1	2 160	2 142	18	9/5		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		KDT MIỀN BẮC	7/5	318/5/MK	17/5	BN 2168	CÁM 7A	1 510	1 492	18	9/5	PTCB	
4		CP VT & KDT VINACOMIN	8/5	396/5/MK	18/5	TRƯỜNG SANG (QN 8167)	CÁM 8C	1 480	1 460	20	9/5	TD	
5		KDT CẦU ĐUỐNG	8/5	383/5/MK	18/5	QN 8162	CÁM 7A	1 400	1 394	6	9/5	PTCB	
6		CBT QUẢNG NINH	8/5	358/5/MK	18/5	ITASCO 01	CÁM 7A	2 500	2 457	43	9/5	PTCB	
	Tàu đã làm lệnh							***19 681***		***19 681***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN (HSP -02)	8/5	2 846		VTRACO 29	CÁM 6A.14	3 900		3 900			
2		CBT QUẢNG NINH	8/5	391/5/MK	18/5	HD 2969	CÁM 6A.4	1 190		1 190		PTCB	
3		KDT HẢI PHÒNG	8/5	390/5/MK	18/5	BN 1348	CÁM 7B	993		993		PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	9/5	404/5/MK	18/5	HP 5915	CÁM 7A	2 376		2 376		PTCB	
5		CBT QUẢNG NINH	9/5	403/5/MK	18/5	QN 9295	CÁM 7A	1 440		1 440		PTCB	
6		CP XNK THAN VINACOMIN	9/5	402/5/MK	18/5	QN 7345	CÁM 6A.4	3 570		3 570		PTCB	
7		KDT MIỀN BẮC	9/5	435/5/MK	19/5	HD 5935	CÁM 7B	2 892		2 892		PTCB	
8		KDT MIỀN BẮC	9/5	449/5/MK	19/5	NB 6473	CÁM 6B.4	1 870		1 870		PTCB	
9		KDT HẢI PHÒNG	9/5	446/5/MK	19/5	HP 5902	CÁM 7C	1 450		1 450		PTCB	
IX	**KHU VỰC HẢI PHÒNG**							**79 390**	**23 610**	**55 780**			
	Tàu đã làm hàng							***24 454***	***23 610***	***844***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN (GOLDEN STAR) CP XNK THAI	7/5	2 797		CỬA ÔNG 06	CÁM 6A.14	2 300	2 058	242	9/5		
2		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	6/5	251/5/NQN	16/5	HẢI LONG 15 (HN 1918)	CÁM 5A.10	5 078	5 037	42	9/5		
3		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (KDT HẢI PHÒNG)	5/5	174/5/NQN	15/5	1 TĐ 20	CÁM 6B.1	2 380	2 369	11	9/5		
4		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (KDT HẢI PHÒNG)	8/5	371/5/NQN	18/5	TĐ 02NĐ	CÁM 6B.1	2 024	2 021	3	9/5		
5		ĐIỆN VĨNH TÂN (GOLDEN STAR) CP XNK THAI	6/5	2 780		CỬA ÔNG 14	CÁM 6A.14	2 100	1 894	206	9/5		
6		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	4/5	166/5/NQN	14/5	TĐ 03-1	CÁM 5A.14	3 780	3 475	305	9/5		GIA HẠN LẦN 1
7		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	8/5	373/5/NQN	18/5	1 TĐ 05	CÁM 5A.10	2 392	2 376	16	9/5		
8		ĐIỆN VĨNH TÂN (HSP -02) CP XNK THAN	7/5	2 803		CỬA ÔNG 12	CÁM 6A.14	2 100	2 085	15	9/5		
9		DK HÀ TĨNH (VIỆT THUẬN 189) CP XNK THAN	8/5	2 848		CỬA ÔNG 09	CÁM 5A.14	2 300	2 295	5	9/5		
	Tàu đã làm lệnh							***54 936***		***54 936***			
1		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (KDT HẢI PHÒNG)	6/5	232/5/NQN	16/5	HD 5588	CÁM 6B.1	5 434		5 434			
2		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	6/5	244/5/NQN	16/5	HD 2882	CÁM 5A.14	4 000		4 000			
3		DK HÀ TĨNH (VIỆT THUẬN 169) CP XNK THAN	8/5	2 854		VIỆT THUẬN TĐ 12A	CÁM 5A.10	5 320		5 320			
4		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	7/5	337/5/NQN	17/5	TĐ 10TT	CÁM 5A.14	2 240		2 240			
5		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	7/5	335/5/NQN	17/5	4 TĐ 79	CÁM 5A.14	3 620		3 620			
6		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	8/5	375/5/NQN	18/5	VTRACO 38	CÁM 5A.14	3 900		3 900			
7		ĐIỆN HẢI PHÒNG (CP XNK THAN)	8/5	374/5/NQN	18/5	ITASCO 02	CÁM 5A.14	3 000		3 000			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
8		ĐIỆN VĨNH TÂN (GOLDEN STAR) CP XNK THAI	8/5	2 845		CỬA ÔNG 16	CÁM 6A.14	2 100		2 100			
9		ĐIỆN VĨNH TÂN (HSP -02) CP XNK THAN	8/5	2 847		CỬA ÔNG 04	CÁM 6A.14	2 300		2 300			
10		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	9/5	401/5/NQN	18/5	TĐ 27-1	CÁM 5A.10	4 256		4 256			
11		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HẢI PHÒNG)	9/5	417B/5/NQN	19/5	TĐ 16TT	CÁM 5A.10	2 360		2 360			
12		DK HÀ TĨNH (VIỆT THUẬN 169) CP XNK THAN	9/5	2 862		CẨM PHẢ 20	CÁM 5A.10	3 900		3 900			
13		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	9/5	432/5/NQN	19/5	TĐ 19-4	CÁM 6A.14	2 380		2 380			
14		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	9/5	448/5/NQN	19/5	THĂNG LONG 36	CÁM 5A.14	4 000		4 000			
15		ĐIỆN HẢI PHÒNG (KDT HẢI PHÒNG)	9/5	433/5/NQN	19/5	THĂNG LONG 68	CÁM 5A.14	3 800		3 800			
16		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (KDT HẢI PHÒNG)	9/5	439/5/NQN	19/5	TĐ 18-1	CÁM 6B.1	2 326		2 326			
X	**KHU VỰC BẮC GIANG, THÁI BÌNH, HẢI DU**							**189 026**	**47 864**	**141 162**			
	Tàu đã làm hàng							***47 732***	***47 864***	***- 132***			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH H	23/4	607/4/NQN	30/4	QUANG TRUNG 68	CÁM 6A.14	7 500	7 791	- 291	2/5		
2		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	3/5	61/5/NQN	13/5	TB 1399	CÁM 5A.10	5 104	5 017	87	4/5		
3		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	5/5	202/5/NQN	15/5	NB 6095	CÁM 5A.10	3 226	3 206	20	7/5		
4		CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI (KDT CẦU ĐUỐ	8/5	362/5/NQN	18/5	HD 6788	CÁM 6A.10	5 850	5 823	27	9/5		
5		ĐIỆN NINH BÌNH (KDT HÀ NAM NINH)	6/5	259/5/NQN	16/5	2 TĐ 26	THAN CÁM 5A.14	3 244	3 241	3	9/5		
6		ĐIỆN NGHI SƠN (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓ	2/5	2 725	12/5	HUY HOÀNG 838	CÁM 5A.10	3 400	3 403	- 3	9/5		
7		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 2/5	5/5	2 775		TUẤN MINH 26	CÁM 5A.10	4 300	4 300		9/5		
8		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 3/5	6/5	2 795	16/5	HÙNG KHÁNH 89	CÁM 5A.10	2 900	2 896	4	9/5		
9		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 3/5	6/5	2 795	16/5	HÙNG KHÁNH 999	CÁM 5A.10	3 100	3 101	- 1	9/5		
10		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 4/5	8/5	2 857	18/5	NGUYÊN DƯƠNG 39	CÁM 5A.10	1 850	1 852	- 2	9/5		
11		ĐIỆN PHẢ LẠI (KDT HÀ BẮC)	7/5	287/5/NQN	17/5	HD 1430	CÁM 5A.14	3 558	3 538	20	9/5		
12		ĐIỆN PHẢ LẠI (KDT HÀ BẮC)	8/5	359/5/NQN	18/5	BN 1558	CÁM 5A.14	3 700	3 696	4	9/5		
	Tàu đã làm lệnh							***141 294***		***141 294***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN (KDT MIỀN BẮC) CBT & KDT N	6/5	694/5/NQN	16/5	TRƯỜNG NGUYÊN OCEAN	ATRAXIT XUẤT XỨ T	23 270		23 270			
2		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 3/5	6/5	2 795	16/5	HN 2185	CÁM 5A.10	3 100		3 100			
3		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	7/5	301/5/NQN	17/5	TĐ 40TT	CÁM 5A.10	2 396		2 396			
4		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	7/5	300/5/NQN	17/5	TĐ 27-1	CÁM 5A.10	4 264		4 264			
5		ĐẠM NINH BÌNH (KDT NINH BÌNH)	7/5	277/5/NQN	17/5	NB 8895	CÁM 5A.10	1 140		1 140			
6		ĐẠM NINH BÌNH (KDT NINH BÌNH)	7/5	276/5/NQN	17/5	NB 2737	CÁM 5A.10	965		965			
7		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	7/5	302/5/NQN	17/5	TB 1399	CÁM 5A.10	5 104		5 104			
8		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYỂN & CBT KINH MÔ	7/5	315/5/NQN	17/5	ĐẠI LÂM 01 (HNA 0334)	CÁM 6B.1	4 680		4 680			
9		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	7/5	323/5/NQN	17/5	NB 6150	CÁM 5A.10	4 076		4 076			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ, HÒN GAI, UÔNG BÍ, MẠO KHÊ VÀ NGOÀI QUẢNG NINH

NGÀY 10 THÁNG 5 NĂM 2024

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
10		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	7/5	324/5/NQN	17/5	NB 6339	CÁM 5A.10	4 000		4 000			
11		ĐIỆN DUYÊN HẢI (KDT THANH HÓA)	7/5	701/5/NQN	17/5	VIỆT THUẬN 12-03	CÁM 6A.14	11 000		11 000			
12		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYỂN & CBT KINH MÔ	7/5	333/5/NQN	17/5	HẢI LONG 16(HN 0259)	CÁM 6B.1	2 699		2 699			
13		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	8/5	368/5/NQN	18/5	TĐ 66	CÁM 5A.10	4 122		4 122			
14		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	8/5	367/5/NQN	18/5	TB 1242	CÁM 5A.10	2 206		2 206			
15		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (TRẠM CB &KDT KIM THÀN	8/5	372/5/NQN	18/5	TĐ 08-3	CÁM 6B.1	2 764		2 764			
16		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (TRẠM CB &KDT KIM THÀN	8/5	370/5/NQN	18/5	THUẬN PHONG 6068 (HP 6068)	CÁM 6B.1	5 538		5 538			
17		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (TRẠM CB &KDT KIM THÀN	8/5	385/5/NQN	18/5	1 TĐ 51	CÁM 6B.1	2 362		2 362			
18		ĐIỆN NGHI SƠN (KDT THANH HÓA) LÔ 4/5	8/5	2 857	18/5	TUẤN MINH 26	CÁM 5A.10	4 300		4 300			
19		ĐIỆN NGHI SƠN (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓ	8/5	2 858	18/5	HUY HOÀNG 838	CÁM 5A.10	3 400		3 400			
20		ĐIỆN NGHI SƠN (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓ	8/5	2 858	18/5	HÙNG KHÁNH 68	CÁM 5A.10	3 400		3 400			
21		ĐIỆN NGHI SƠN (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓ	8/5	2 858	18/5	HÙNG KHÁNH 68	CÁM 5A.10	3 400		3 400			
22		ĐIỆN NGHI SƠN (CROMIT CỐ ĐỊNH THANH HÓ	8/5	2 858	18/5	HUY HOÀNG 838	CÁM 5A.10	3 400		3 400			
23		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	9/5	416/5/NQN	19/5	TB 1515	CÁM 5A.10	2 340		2 340			
24		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	9/5	418/5/NQN	19/5	NB 6095	CÁM 5A.10	3 226		3 226			
25		ĐIỆN PHẢ LẠI (KDT HÀ BẮC)	9/5	419/5/NQN	19/5	HD 3974	CÁM 5A.14	4 436		4 436			
26		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYỂN & CBT KINH MÔ	9/5	420/5/NQN	19/5	BẠCH ĐẰNG 16 (HD 5685)	CÁM 6B.1	5 177		5 177			
27		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (KDT CẦU ĐƯỜNG)	9/5	445/5/NQN	19/5	TRƯỜNG AN 18 (QN 7717)	CÁM 6B.1	5 260		5 260			
28		ĐIỆN HẢI DƯƠNG (PX TUYỂN & CBT KINH MÔ	9/5	440/5/NQN	19/5	1 TĐ 10	CÁM 6B.1	3 332		3 332			
29		ĐIỆN THÁI BÌNH (KDT MIỀN BẮC)	9/5	444/5/NQN	19/5	TĐ 08(QN 7394)	CÁM 5A.10	4 460		4 460			
30		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	9/5	441/5/NQN	19/5	NB 8859	CÁM 5A.10	4 487		4 487			
31		DẦU KHÍ VIỆT NAM (KDT HÀ NAM NINH)	9/5	442/5/NQN	19/5	HD 3859	CÁM 5A.10	6 010		6 010			
32		ĐẠM NINH BÌNH (KDT NINH BÌNH)	9/5	447/5/NQN	19/5	NB 2997	CÁM 4A.1	980		980			
XI	**TÀU XUẤT KHẨU**												
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												
XII	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				-	-	-			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu đã làm lệnh												